

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7- 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Số 11/18/199, Đường Hồ Tùng Mậu, tổ 3, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần PIV (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Tuấn Anh	Chủ tịch	Từ ngày 11/12/2018
Ông Ngô Tiến Cương	Chủ tịch	Đến ngày 06/12/2018
Bà Hoàng Thị Hoài	Chủ tịch	Đến ngày 28/06/2018
Ông Nguyễn Trọng Đức	Thành viên	Đến ngày 06/12/2018
Ông Lê Tuấn Anh	Thành viên	Đến ngày 06/12/2018
Bà Nhữ Thị Kim Thu	Thành viên	
Ông Triệu Văn Hối	Thành viên	Từ ngày 06/12/2018

Ban giám đốc

Ông Triệu Văn Hối	Tổng Giám đốc	Từ ngày 10/11/2018
Ông Trịnh Tiến Khương	Tổng Giám đốc	Đến ngày 10/11/2018

Ban kiểm soát

Bà Trịnh Thị Liên	Trưởng ban	Từ ngày 29/06/2018
Ông Trần Đăng Khoa	Trưởng ban	Đến ngày 29/06/2018
Bà Đặng Thị Nụ	Thành viên	
Bà Trương Thị Nhung	Thành viên	

Kế toán trưởng

Ông Vũ Mạnh Hùng	Kế toán trưởng	Từ ngày 22/12/2018
Bà Nguyễn Thị Vân	Kế toán trưởng	Đến ngày 22/12/2018
Lương Thị Nhài	Kế toán trưởng	Đến ngày 16/08/2018
Bà Phí Thị Ngọc Anh	Kế toán trưởng	Đến ngày 17/08/2018

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

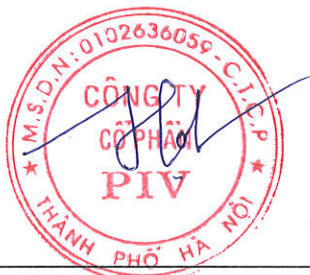
Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về Quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Triệu Văn Hối
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần PIV

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần PIV (sau đây gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 29/04/2019, trình bày từ trang 07 đến trang 30 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê tài sản cố định, hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm 31/12/2018. Các thủ tục kiểm toán thay thế không thực hiện được với khoản mục hàng tồn kho với giá trị là: 140.877.962 đồng. Do đó, chúng tôi không đánh giá được tính hiện hữu và giá trị của các khoản mục hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2018 cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Công ty chưa tiến hành đối chiếu, xác nhận số dư đầy đủ với các đối tác tại ngày 31/12/2018, chi tiết tỷ lệ các khoản công nợ chưa được đối chiếu, xác nhận như sau: Người mua trả tiền trước với giá trị 544.838.897 đồng tương ứng tỷ lệ chưa đối chiếu 100%; Phải trả người bán với giá trị 511.179.189 đồng tương ứng tỷ lệ chưa đối chiếu 100%. Các thủ tục kiểm toán thay thế không mang lại cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để đưa ý kiến nhận xét về tính hiện hữu, đầy đủ và số dư của các khoản công nợ chưa được đối chiếu, xác nhận.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 6 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: liên quan đến khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà với giá mua là 34.000 đồng/cổ phiếu, số lượng cổ phần là 4.443.000 cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng cổ phần là 151.062.000.000 đồng. Chúng tôi không đánh giá được giá trị hợp lý của giao dịch mua lại khoản đầu tư với các cá nhân vào Công ty Cổ phần BOT Thái Hà. Đồng thời toàn bộ khoản tiền nhận được từ thu hồi ủy thác đầu tư của bà Trịnh Huyền Trang, bà Phạm Thị Mai Hương và thu hồi khoản đầu tư Công ty Cổ phần Thương mại Trường Lưu Thủy được thanh toán toàn bộ cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà (xem chi tiết tại các Thuyết minh số 6, 8, 10 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính).

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (tiếp)

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: liên quan đến khoản ủy thác đầu tư của bà Trịnh Huyền Trang và bà Phạm Thị Mai Hương với số tiền ủy thác tại thời điểm 31/12/2018 lần lượt là 38.000.000.000 đồng và 17.105.628.100 đồng. Đến ngày 15/01/2019, bà Trịnh Huyền Trang, bà Phạm Thị Mai Hương đã thanh toán với tổng giá trị lần lượt là: 37.641.535.550 đồng, 18.594.017.150 đồng, chênh lệch so với số dư gốc tại thời điểm 31/12/2018 lần lượt là: (358.464.450) đồng, 1.488.389.050 đồng. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các tài liệu liên quan đến việc thanh toán này, không đánh giá được tính chính xác liệu các khoản thanh toán này có được thanh toán cho các hợp đồng ủy thác đầu tư nêu trên hay không, cũng như khả năng thu hồi khoản ủy thác đầu tư cho bà Phạm Thị Mai Hương với số tiền còn thiếu là 358.464.450 đồng.

Trong năm, Công ty đã thực hiện bù trừ công nợ 3 bên giữa: Công ty CP PIV, Công ty HH Mậu dịch Bảo Hồng Bằng Tường Quảng Tây và Công ty HH Công nghệ Hoa Điện với số tiền là 3.198.257,52 USD (tương đương với 73.700.148.589 đồng); Công ty CP PIV, Công ty HH Xinshen Thẩm Quyển và Công ty Thắng Lợi Hồng Kông với số tiền là 7.393.756,80 USD (tương đương với 170.277.327.077 đồng, chiếm trên 35% tổng tài sản). Đồng thời với việc bù trừ trên, Công ty sẽ không thu lại các khoản lãi chậm trả tiền hàng của Công ty HH Mậu dịch Bảo Hồng Bằng Tường Quảng Tây và Công ty HH Xinshen Thẩm Quyển theo Nghị quyết số 108/2018/NQ-HĐQT-PIV ngày 27/12/2018 của Hội đồng quản trị Công ty, số công nợ không thu nữa ghi nhận tăng chi phí quản lý doanh nghiệp. Tuy nhiên, chúng tôi không thu thập được đầy đủ các tài liệu liên quan đến việc bù trừ công nợ này, không đánh giá được việc bù trừ, xóa nợ này có phù hợp với hợp đồng ký kết ban đầu hay không, cũng như có đáp ứng được đầy đủ điều kiện được khấu trừ thuế GTGT hàng nhập khẩu đã được Công ty khấu trừ từ các năm trước có đúng theo các quy định hay không.

Khoản vay trong năm 2018 với Ông Ngô Tiến Cường (nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty) với tổng giá trị khoản vay là 30 tỷ đồng nhưng chưa có sự phê duyệt của Hội đồng quản trị theo quy định tại điều 162 Luật doanh nghiệp. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được tính tuân thủ, hiệu lực đối với giao dịch này.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến từ chối. Chúng không đánh giá được ảnh hưởng của các số liệu so sánh đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, liên quan đến khoản ủy thác đầu tư với Bà Phạm Thị Mai Hương và Bà Trịnh Huyền Trang: theo Biên bản làm việc về việc hủy hợp đồng số 03/2017-UTĐT ngày 18/12/2018 với Bà Phạm Thị Mai Hương và số 01/2017-UTĐT ngày 27/12/2018 với Bà Trịnh Huyền Trang; Chủ tịch HĐQT là Ông Ngô Tiến Cường đã ký và thống nhất về việc chấp thuận chấm dứt hợp các đồng và không thu hồi khoản lợi nhuận theo hợp đồng. Tuy nhiên theo Công bố số 88/2018/TB-PIV ngày 06/12/2018 của Công ty thì Ông Ngô Tiến Cường đã miễn nhiệm chức danh chủ tịch HĐQT từ ngày 06/12/2018. Việc từ chối đưa ra ý kiến của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần PIV cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và từ chối đưa ra ý kiến tại ngày 28/06/2018.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0798-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2019

Nguyễn Văn Hải
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1395-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		111.324.401.582	458.583.693.293
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	199.716.320	273.756.371
Tiền	111		199.716.320	273.756.371
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		110.808.331.705	451.606.387.875
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	16.817.835.890	313.802.753.066
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	38.677.194.129	20.822.148.129
Các khoản phải thu khác	136	8	55.903.321.100	119.161.902.080
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(609.610.165)	(2.200.006.151)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		19.590.751	19.590.751
Hàng tồn kho	140		140.877.962	6.448.542.727
Hàng tồn kho	141	9	140.877.962	6.448.542.727
Tài sản ngắn hạn khác	150		175.475.595	255.006.320
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	-	255.006.320
Thuế GTGT được khấu trừ	152		175.475.595	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		54.881.186.175	52.838.466.030
Các khoản phải thu dài hạn	210		244.528.525	187.724.250
Phải thu dài hạn khác	216	8	244.528.525	187.724.250
Tài sản cố định	220		2.935.036.111	3.779.725.903
Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.935.036.111	3.779.725.903
- Nguyên giá	222		5.672.635.204	5.672.635.204
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.737.599.093)	(1.892.909.301)
Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		31.284.600	31.284.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(31.284.600)	(31.284.600)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	10	51.700.352.000	48.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	48.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		51.700.352.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.269.539	871.015.877
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	1.269.539	871.015.877
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		166.205.587.757	511.422.159.323

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		7.960.625.912	328.654.857.032
Nợ ngắn hạn	310		7.960.625.912	328.654.857.032
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	511.179.189	247.404.509.148
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	544.838.897	6.059.182.896
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	6.734.398.623	6.016.653.395
Phải trả người lao động	314		-	172.486.033
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	124.571.465	92.526.160
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	-	68.863.861.662
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45.637.738	45.637.738
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		158.244.961.845	182.767.302.291
Vốn chủ sở hữu	410	18	158.244.961.845	182.767.302.291
Vốn góp của chủ sở hữu	411		173.249.420.000	173.249.420.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		173.249.420.000	173.249.420.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(261.600.000)	(261.600.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		443.972.144	443.972.144
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		35.157.200	35.157.200
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(15.221.987.499)	9.300.352.947
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.300.352.947	4.223.203.505
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(24.522.340.446)	5.077.149.442
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		166.205.587.757	511.422.159.323

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2019



Triệu Văn Hội
Tổng Giám đốc

Vũ Mạnh Hùng
Kế toán trưởng

Vũ Mạnh Hùng
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	10.012.508.803	317.801.959.419
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		10.012.508.803	317.801.959.419
Giá vốn hàng bán	11	20	8.898.852.781	312.081.972.419
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.113.656.022	5.719.987.000
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	698.549	15.083.393.768
Chi phí tài chính	22	22	1.239.124.218	6.152.855.004
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.113.762.991	1.917.849.991
Chi phí bán hàng	25	23	47.767.326	(455.553.002)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	23.384.241.878	8.071.168.781
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(23.556.778.851)	7.034.909.985
Chi phí khác	32	24	965.561.595	373.494.716
Lợi nhuận khác	40		(965.561.595)	(373.494.716)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(24.522.340.446)	6.661.415.269
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	1.584.265.827
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(24.522.340.446)	5.077.149.442
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	(1.415)	295

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2019



Triệu Văn Hội
Tổng Giám đốc

Vũ Mạnh Hùng
Kế toán trưởng

Vũ Mạnh Hùng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		42.628.811.736	145.223.919.676
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(9.972.211.477)	(171.826.361.141)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.279.844.093)	(2.028.199.264)
Tiền lãi vay đã trả	04		(1.113.762.991)	(1.917.849.991)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(204.827.788)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		378.190.698	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.627.791.595)	(115.180.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		29.013.392.278	(145.933.318.508)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		59.894.371.900	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(26.493.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		6.499.648.000	72.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		698.549	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		39.901.718.449	72.000.000.000
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	7.402.500.000
Tiền thu từ đi vay	33		38.000.000.000	83.339.417.752
Tiền trả nợ gốc vay	34		(106.989.222.889)	(18.622.085.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(68.989.222.889)	72.119.832.752
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(74.112.162)	(1.813.485.756)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		273.756.371	2.087.242.127
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		72.111	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	199.716.320	273.756.371

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2019



Triệu Văn Hại
Tổng Giám đốc

Vũ Mạnh Hùng
Kế toán trưởng

Vũ Mạnh Hùng
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần PIV (đổi tên từ Công ty Cổ phần Tư vấn Dịch vụ tài sản Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam), tên viết tắt là PIV., JSC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103022270 (nay chuyển sang mã số doanh nghiệp là 0102636059) lần đầu ngày 29/01/2008, thay đổi lần thứ 23 ngày 25/12/2018.

Công ty Cổ phần PIV có trụ sở theo đăng ký kinh doanh tại Số 11/18/199, đường Hồ Tùng Mậu, tổ 3, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 173.249.420.000 đồng.

Từ ngày 18/08/2010, cổ phiếu của Công ty Cổ phần PIV được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PIV.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Cung cấp vật liệu, thiết bị trong lĩnh vực xây dựng, thi công các công trình xây dựng, kinh doanh các thiết bị y tế; (ngành chính)
- Dịch vụ thẩm định giá;
- Dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản trong phạm vi sau đây: mô giới, tư vấn, đấu giá, quảng cáo BĐS, quản lý BĐS, đấu giá tài sản;
- Tư vấn cổ phần hóa, tái cơ cấu doanh nghiệp và mua bán sáp nhập doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Tư vấn cung cấp thông tin kinh tế, thị trường (không bao gồm dịch vụ điều tra và cung cấp thông tin Nhà nước cấm);
- Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn đấu thầu (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ quản trị doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế);
- Sản xuất phim quảng cáo, tiếp thị quảng cáo, quảng cáo tiếp thị đa phương tiện (truyền hình, internet, ấn phẩm báo chí, phát thanh trực tiếp) (không bao gồm sản xuất phim);
- Dịch vụ tổ chức tài trợ, tổ chức sự kiện về vấn đề kinh tế, xã hội, giải trí, thể thao, truyền hình, lập và thực hiện các dự án truyền thông, dịch vụ văn hóa, giải trí (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán, lắp đặt các thiết bị phục vụ hệ thống thông tin, viễn thông truyền hình;
- Sản xuất, cung cấp, lắp đặt, kinh doanh các thiết bị, sản phẩm nội ngoại thất dùng cho tòa nhà văn phòng, chung cư, khách sạn, nhà hàng;
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phao, phao cứu sinh, lều, bạt, vải các loại, hàng dệt may;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH (TIẾP)

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, các công trình hạ tầng đô thị và các khu dân cư;
- Bán buôn tổng hợp: hóa chất, phụ gia xây dựng và vật liệu xây dựng;
- Vận tải đường bộ và vận tải đường ống;
- Dịch vụ kho bãi và các dịch vụ hỗ trợ cho vận tải;
- Đại lý cung cấp các dịch vụ viễn thông;
- Xây lắp các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, vật liệu xây dựng, thang máy;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khai khoáng, xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị dùng trong mạch điện).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được lập theo chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị dụng cụ, quản lý	03 - 05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Các khoản đầu tư tài chính góp vốn vào đơn vị khác được kế toán theo phương pháp giá gốc; lợi nhuận thuần được chia từ các Công ty phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán.

3.8 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Doanh thu bán hàng xuất khẩu được ghi nhận khi Công ty hoàn thành thủ tục hải quan về kê khai xuất khẩu hàng hóa và hàng thực xuất khỏi cảng Việt Nam.

Doanh thu hoạt động tài chính là lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các Doanh nghiệp mà Công ty tham gia góp vốn, lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong kỳ kế toán.

3.9 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.10 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.11 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết và quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý. Toàn bộ các giao dịch và số dư với bên liên quan trong năm đã được Công ty trình bày tại các Thuyết minh Báo cáo tài chính.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Tiền mặt	381.088	169.975.560
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	199.335.232	103.780.811
	<u>199.716.320</u>	<u>273.756.371</u>

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	-	255.006.320
- Chi phí thuê văn phòng chờ phân bổ	-	255.006.320
Chi phí trả trước dài hạn	1.269.539	871.015.877
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.269.539	871.015.877

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
- Công ty CP DV Đường cao tốc Việt Nam	400.000.000	400.000.000
- Bà Nguyễn Thị Lan Hương (1)	14.503.000.000	-
- Ông Ngô Tiến Cường (2)	11.990.000.000	-
- Chi nhánh Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Việt Phát tại Hải Dương	5.334.072.366	5.334.072.366
- Công ty CP Đầu tư Thiết bị Công nghiệp Hữu Nghị	3.513.444.424	2.223.994.424
- Công ty TNHH Lâm Nam	1.842.633.754	3.242.633.754
- Công ty TNHH Tiến Đại Phát	646.253.585	3.881.397.585
- Công ty Cổ phần Thương mại Trường Lưu Thủy	-	161.500.000
- Công ty Cổ phần TM và Xây dựng Trần Nguyên	-	5.510.000.000
- Các đối tượng khác	447.790.000	68.550.000
	38.677.194.129	20.822.148.129
Trả trước cho người bán là bên liên quan	646.253.585	4.042.897.585
- Công ty Cổ phần Thương mại Trường Lưu Thủy	-	161.500.000
- Công ty TNHH Tiến Đại Phát	646.253.585	3.881.397.585

Trong đó:

- (1) Là khoản ứng trước tiền cho Bà Nguyễn Thị Lan Hương theo hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng cổ phần số: 2012/2018/HĐN-PIV-CN ngày 20/12/2018 và hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0701/2019/HĐCNCP-PIV-CN ngày 07/01/2019 giữa Công ty Cổ phần PIV và bà Nguyễn Thị Lan Hương về việc chuyển nhượng cổ phần BOT Thái Hà với giá mua là 34.000 đồng/cổ phiếu, số lượng cổ phần là 3.043.000 cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng cổ phần là 103.462.000.000 đồng.
- (2) Là khoản ứng trước tiền cho Ông Ngô Tiến Cường (*Anh ruột Ông Ngô Tiến Cường - Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần PIV*) theo hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng cổ phần số: 2612/2018/HĐN-PIV-CN ngày 26/12/2018 và hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0601/2019/HĐCNCP-PIV-CN ngày 06/01/2019 giữa Công ty Cổ phần PIV và Ông Ngô Tiến Cường về việc chuyển nhượng cổ phần BOT Thái Hà với giá mua là 34.000 đồng/cổ phiếu, số lượng cổ phần là: 1.400.000 cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng cổ phần là: 47.600.000.000 đồng.

Đến thời điểm lập báo cáo này, toàn bộ khoản tiền nhận được từ thu hồi ủy thác đầu tư của Bà Trịnh Huyền Trang, Bà Phạm Thị Mai Hương và thu hồi khoản đầu tư Công ty Cổ phần Thương mại Trường Lưu Thủy được thanh toán ngay trong ngày nhận được tiền cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà theo các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với Bà Nguyễn Thị Lan Hương và Ông Ngô Tiến Cường (Xem tại Thuyết minh số 8, 10 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Số 11/18/199, Đường Hồ Tùng Mậu, tổ 3, P.Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn				
- Shenzhen Xinshen Co.,Ltd (*)	-	-	210.333.432.171	-
- Bao Hong Trade Guangxi PingXiang Co.,Ltd (*)	-	-	74.886.411.358	-
- Công ty TNHH Thương mại Thảo Hiền	17.354.493	-	361.527.141	-
- Công ty TNHH Tiến Đại Phát	12.159.824.955	-	10.801.463.289	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng D&T Việt Nam	-	-	8.888.361.665	1.782.452.690
- Công ty CP Đầu tư và XNK Bình Minh	1.219.220.331	609.610.165	1.219.220.331	417.553.461
- Các khoản phải thu khách hàng khác	3.421.436.111	-	7.312.337.111	-
	16.817.835.890	609.610.165	313.802.753.066	2.200.006.151
Phải thu khách hàng là bên liên quan				
- Công ty TNHH Tiến Đại Phát	12.159.824.955	-	10.801.463.289	-
	12.159.824.955	-	10.801.463.289	-

(*) Trong năm, Công ty đã thực hiện bù trừ công nợ 3 bên giữa: Công ty CP PIV, Công ty HH Mậu dịch Bảo Hồng Bằng Tường Quảng Tây và Công ty HH Công nghệ Hoa Điện với số tiền là 3.198.257,52 USD, tương đương với 73.700.148.589 đồng; Công ty CP PIV, Công ty HH Xinshen Thẩm Quyển và Công ty Tháng Lợi Hồng Kông với số tiền là 7.393.756,80 USD, tương đương với 170.277.327.077 đồng. Đồng thời với việc bù trừ trên, Công ty sẽ không thu lại các khoản lãi chậm trả tiền hàng của Công ty HH Mậu dịch Bảo Hồng Bằng Tường Quảng Tây và Công ty HH Xinshen Thẩm Quyển theo Nghị quyết số 108/2018/NQ-HĐQT-PIV ngày 27/12/2018 của Hội đồng quản trị Công ty, số công nợ không thu nữa được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Số 11/18/199, Đường Hồ Tùng Mậu, tổ 3, P.Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khác ngắn hạn	55.903.321.100	-	119.161.902.080	-
- Bà Trịnh Huyền Trang - phải thu về ủy thác đầu tư (1)	38.000.000.000	-	38.000.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Định - phải thu về ủy thác đầu tư	-	-	41.000.000.000	-
- Bà Phạm Thị Mai Hương - phải thu về ủy thác đầu tư (2)	17.105.628.100	-	36.000.000.000	-
- Phải thu về hàng tồn kho cho mượn	-	-	3.875.744.280	-
- Ký quỹ, ký cược	-	-	286.157.800	-
- Các đối tượng khác	27.693.000	-	-	-
- Tạm ứng người lao động	770.000.000	-	-	-
Phải thu khác dài hạn	244.528.525	-	187.724.250	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	244.528.525	-	187.724.250	-

(1) Là khoản phải thu về ủy thác đầu tư cho Bà Trịnh Huyền Trang theo hợp đồng số 01/2017-UTĐT ngày 25 tháng 12 năm 2017 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 25/06/2018. Thời hạn ủy thác: 06 tháng. Thời gian tính lợi nhuận ủy thác khi Bà Trịnh Huyền Trang bắt đầu có hoạt động đầu tư. Trên hợp đồng không có quy định về tài sản đảm bảo, mức lợi nhuận ủy thác tối thiểu là 9%/năm tính trên vốn ủy thác. Đến ngày 15/01/2019, Bà Trịnh Huyền Trang đã thanh toán tổng số tiền là: 37.641.535.550 đồng với số lần giao dịch là 23 lần từ ngày 02/01/2019 đến ngày 15/01/2019 với số lần giao dịch trong các ngày 05/01/2019, 07/01/2019, 08/01/2019, 15/01/2019 tương ứng là 05 lần, 02 lần, 11 lần. Đồng thời toàn bộ khoản tiền nhận được đã thanh toán ngay trong ngày nhận được tiền cho khoản đầu tư vào BOT Thái Hà theo các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với Bà Nguyễn Thị Lan Hương và Ông Ngô Tiến Cường (*Xem thuyết minh số 6 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính*).

(2) Là khoản phải thu về ủy thác đầu tư cho Bà Phạm Thị Mai Hương theo hợp đồng số 03/2017-UTĐT ngày 25 tháng 12 năm 2017 và phụ lục hợp đồng số 03 ngày 25/06/2018. Thời hạn ủy thác: 06 tháng. Thời gian tính lợi nhuận ủy thác khi Bà Phạm Thị Mai Hương bắt đầu có hoạt động đầu tư. Trên hợp đồng không có quy định về tài sản đảm bảo, mức lợi nhuận ủy thác tối thiểu là 9%/năm tính trên vốn ủy thác. Đến ngày 15/01/2019, Bà Phạm Thị Mai Hương đã thanh toán tổng số tiền là: 18.594.017.150 đồng với số lần giao dịch là 10 lần với số lần giao dịch trong các ngày 02/01/2019, 05/01/2019, 09/01/2019, 10/01/2019, 11/01/2019 tương ứng là 01 lần 04 lần, 01 lần, 02 lần, 01 lần, 01 lần. Đồng thời toàn bộ khoản tiền nhận được đã thanh toán ngay trong ngày nhận được tiền cho khoản đầu tư vào BOT Thái Hà theo các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với Bà Nguyễn Thị Lan Hương và Ông Ngô Tiến Cường (*Xem thuyết minh số 6 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính*).

Theo Biên bản làm việc về việc hủy hợp đồng số 03/2017-UTĐT ngày 18/12/2018 với Bà Phạm Thị Mai Hương và số 01/2017-UTĐT ngày 27/12/2018 với Bà Trịnh Huyền Trang: Công ty Cổ phần PIV không thu hồi khoản lợi nhuận kỳ vọng tối thiểu là 9%/năm trong thỏa thuận hợp đồng ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Số 11/18/199, Đường Hồ Tùng Mậu, tổ 3, P.Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	79.639.318	-	79.639.318	-
- Hàng hoá	61.238.644	-	6.368.903.409	-
	140.877.962	-	6.448.542.727	-

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	-	-	48.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Trường Lưu Thủy (1)	-	-	48.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	51.700.352.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Trường Lưu Thủy (1)	41.500.352.000	-	-	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh thiết bị Toàn Phát (2)	10.200.000.000	-	-	-
	51.700.352.000	-	48.000.000.000	-

(1) Công ty đã tiến hành chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty CP Thương mại Trường Lưu Thủy với giá chuyển nhượng là 24.000 đồng/cổ phần (bảng giá mua) theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2512/2018/PIV-NVT ngày 25/12/2018 và phụ lục hợp đồng số 3112/2018/PLHD-PIV-NVT ngày 31/12/2018 giữa Công ty Cổ phần PIV và ông Nguyễn Văn Tình. Đến thời điểm 31/12/2018, Công ty đã chuyển nhượng 270.818 cổ phần với giá trị đã thu hồi là 6.499.648.000 đồng. Đến thời điểm 14/01/2019, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ phần còn lại của khoản đầu tư này với giá trị đã thu hồi là 41.500.352.000 đồng với số lần giao dịch trong các ngày 02/01/2019, 11/01/2019 và 14/01/2019 lần lượt là: 01 lần, 08 lần, 10 lần. Đồng thời toàn bộ khoản tiền nhận từ thanh lý khoản đầu tư này được thanh toán ngay trong ngày nhận được tiền cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà theo các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với Bà Nguyễn Thị Lan Hương và Ông Ngô Tiến Cường (Xem tại Thuyết minh số 6 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Số 11/18/199, Đường Hồ Tùng Mậu, tổ 3, P. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)**

(2) Công ty Cổ phần PIV (Góp vốn: 10.200.000.000 VND bằng tài sản, tương đương 8,16%) liên doanh cùng Ông Nguyễn Văn Tỉnh (Góp vốn: 90.000.000.000 VND, tương đương 72%), Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam (Góp vốn: 24.800.000.000 VND, tương đương 19,84%) thành lập Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Thiết bị Toàn Phát theo giấy đăng ký kinh doanh lần đầu số 0108565950 ngày 28/12/2018.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị đụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2018	3.636.363.636	1.672.363.636	363.907.932	5.672.635.204
31/12/2018	3.636.363.636	1.672.363.636	363.907.932	5.672.635.204
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2018	1.212.121.229	517.636.342	163.151.730	1.892.909.301
- Khấu hao trong năm	519.480.528	238.909.080	86.300.184	844.689.792
31/12/2018	1.731.601.757	756.545.422	249.451.914	2.737.599.093
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2018	2.424.242.407	1.154.727.294	200.756.202	3.779.725.903
31/12/2018	1.904.761.879	915.818.214	114.456.018	2.935.036.111

Tại 31/12/2018, nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 73.280.000 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
01/01/2018	31.284.600	31.284.600
31/12/2018	<u>31.284.600</u>	<u>31.284.600</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2018	31.284.600	31.284.600
31/12/2018	<u>31.284.600</u>	<u>31.284.600</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
01/01/2018	-	-
31/12/2018	<u>-</u>	<u>-</u>

Tại 31/12/2018, nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 31.284.600 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Số 11/18/199, Đường Hồ Tùng Mậu, tổ 3, P. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Đầu tư KSQ	-	-	3.235.144.000	3.235.144.000
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ số 9	231.872.400	231.872.400	231.872.400	231.872.400
- HK Hua Dian Technology Limited (*)	-	-	72.347.596.467	72.347.596.467
- Hong Kong Victory Co (*)	-	-	167.254.454.235	167.254.454.235
- Công ty CP thương mại và dịch vụ Kim Diệp	-	-	2.700.000.000	2.700.000.000
- Các đối tượng khác	279.306.789	279.306.789	1.635.442.046	1.635.442.046
	511.179.189	511.179.189	247.404.509.148	247.404.509.148
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan	-	-	-	-

Các khoản phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan

(*) Trong năm, Công ty đã thực hiện bù trừ công nợ 3 bên giữa: Công ty CP PIV, Công ty HH Mậu dịch Bảo Hồng Bằng Tường Quảng Tây và Công ty HH Công nghệ Hoa Điện với số tiền là 3.198.257,52 USD, tương đương với 73.700.148.589 đồng; Công ty CP PIV, Công ty HH Xinshen Thẩm Quyền và Công ty Thăng Lợi Hồng Kông với số tiền là 7.393.756,80 USD, tương đương với 170.277.327.077 đồng. Đồng thời với việc bù trừ trên, Công ty sẽ không thu lại các khoản lãi chậm trả tiền hàng của Công ty HH Mậu dịch Bảo Hồng Bằng Tường Quảng Tây và Công ty HH Xinshen Thẩm Quyền theo Nghị quyết số 108/2018/NQ-HDQT-PIV ngày 27/12/2018 của Hội đồng quản trị Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Kim Diệp	-	5.514.344.000
- Công ty CP Đầu tư DV Vui chơi Giải trí Thể thao HN	150.000.000	150.000.000
- Các khoản khác	394.838.897	394.838.896
	<u>544.838.897</u>	<u>6.059.182.896</u>

15. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải trả khác ngắn hạn	124.571.465	92.526.160
- Kinh phí công đoàn	42.090.810	33.423.331
- Bảo hiểm xã hội	40.147.087	17.365.432
- Bảo hiểm y tế	6.788.408	2.142.234
- Bảo hiểm thất nghiệp	444.683	1.346.955
- Các khoản phải trả khác	35.100.477	38.248.208
Dài hạn	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Số 11/18/199, Đường Hồ Tùng Mậu, tổ 3, P.Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	6.016.653.395	1.330.371.053	612.625.825	6.734.398.623
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	830.017.309	683.837.806	609.625.825	904.229.290
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.814.547.979	-	-	4.814.547.979
- Thuế thu nhập cá nhân	15.934.687	32.511.515	-	48.446.202
- Các loại thuế khác	356.153.420	526.205.852	3.000.000	879.359.272
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	87.815.880	-	87.815.880
Phải thu	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Số 11/18/199, Đường Hồ Tùng Mậu, tổ 3, P. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***17. CÁC KHOẢN VAY**

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	-	38.125.361.227	106.989.222.889	68.863.861.662	68.863.861.662
- Ngân hàng NN&PTNN Agribank-CN Từ Liêm	-	-	8.125.361.227	34.943.561.767	26.818.200.540	26.818.200.540
- Ngân hàng TMCP An Bình-CN Hà Nội	-	-	-	16.045.800.000	16.045.800.000	16.045.800.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-CN Hà Nam	-	-	-	25.999.861.122	25.999.861.122	25.999.861.122
- Ông Ngô Tiến Cường	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Số 11/18/199, Đường Hồ Tùng Mậu, tổ 3, P.Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2017	157.499.940.000	(164.100.000)	35.157.200	443.972.144	12.652.683.505	170.467.652.849
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	5.077.149.442	5.077.149.442
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	8.249.480.000	-	-	-	(8.249.480.000)	-
- Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	7.500.000.000	(97.500.000)	-	-	-	7.402.500.000
- Chi khác	-	-	-	-	(180.000.000)	(180.000.000)
31/12/2017	173.249.420.000	(261.600.000)	35.157.200	443.972.144	9.300.352.947	182.767.302.291
01/01/2018	173.249.420.000	(261.600.000)	35.157.200	443.972.144	9.300.352.947	182.767.302.291
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(24.522.340.446)	(24.522.340.446)
31/12/2018	173.249.420.000	(261.600.000)	35.157.200	443.972.144	(15.221.987.499)	158.244.961.845

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18.2 CỔ PHIẾU

	31/12/2018	01/01/2018
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	17.324.942	17.324.942
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.324.942	17.324.942
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.324.942	17.324.942
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.324.942	17.324.942
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.324.942	17.324.942
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 VND/CP)		

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
	10.012.508.803	317.801.959.419
- Doanh thu bán hàng hóa xuất khẩu	-	251.335.475.587
- Doanh thu bán hàng hóa nội địa	10.012.508.803	34.413.705.281
- Doanh thu bán thành phẩm	-	579.217.200
- Doanh thu thi công xây dựng	-	31.473.561.351

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
	-	251.742.764.750
- Giá vốn bán hàng hóa xuất khẩu	-	32.780.604.349
- Giá vốn bán hàng hóa nội địa	8.898.852.781	615.406.077
- Giá vốn bán thành phẩm	-	29.235.011.919
- Giá vốn thi công xây dựng	-	(2.291.814.676)
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	8.898.852.781	312.081.972.419

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	698.549	4.613.645
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	250.281.880
- Lãi bán hàng trả chậm	-	14.828.498.243
	698.549	15.083.393.768

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Chi phí lãi vay	1.113.762.991	1.917.849.991
- Lỗ mua hàng trả chậm	-	4.050.387.450
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	125.361.227	184.617.563
	1.239.124.218	6.152.855.004

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	23.384.241.878	8.071.168.781
- Chi phí cho nhân viên	1.283.013.744	1.976.553.520
- Khấu hao tài sản cố định	844.689.792	98.513.514
- Thuế, phí, lệ phí	7.302.323	79.423.803
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.035.218.885	3.716.671.793
- Chi phí bằng tiền khác	-	-
- Dự phòng/ Hoàn nhập công nợ phải thu khó đòi	(1.590.395.986)	2.200.006.151
- Xóa nợ khoản công nợ không có khả năng thu hồi (*)	19.804.413.120	-
Các khoản chi phí bán hàng	47.767.326	(455.553.002)
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	-	(469.189.366)
- Chi phí dụng cụ xuất dùng	2.331.000	-
- Chi phí dịch vụ mua vào	45.436.326	13.636.364

(*) Xem chi tiết tại Thuyết minh số 07 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Phạt chậm nộp thuế	744.383.885	363.159.108
- Phạt chậm nộp bảo hiểm, chậm trả tiền thuê mặt bằng	1.177.710	10.331.138
- Các khoản phạt khác	220.000.000	4.470
	965.561.595	373.494.716

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(24.522.340.446)	5.077.149.442
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(24.522.340.446)	5.077.149.442
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	17.324.942	17.234.531
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(1.415)	295

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	2.331.000	1.885.899.306
- Chi phí nhân công	1.283.013.744	1.976.553.520
- Khấu hao tài sản cố định	844.689.792	856.903.122
- Chi phí dự phòng	3.445.659.244	1.730.816.785
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.080.655.211	27.289.519.562
- Chi phí bằng tiền khác	7.302.323	-
	8.663.651.314	33.739.692.295

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung trong lĩnh vực thương mại và chỉ phát sinh hoạt động kinh doanh trong nước nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

28. THÔNG TIN KHÁC

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 như sau:

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Thương mại Trường Lưu Thủy	Công ty liên kết
2	Công ty TNHH Tiến Đại Phát	Nguyên Chủ tịch HĐQT của Công ty là Chủ tịch HĐQT, Giám đốc của Công ty TNHH Tiến Đại Phát
3	Ông Ngô Tiến Cường	Nguyên Chủ tịch HĐQT Công ty, Chủ tịch HĐQT Công ty CP BOT Cầu Thái Hà, Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH Tiến Đại Phát
4	Ông Ngô Tiến Cường	Anh trai ông Ngô Tiến Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

28.1 THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền thu từ đi vay	30.000.000.000	-
- Ông Ngô Tiến Cương	30.000.000.000	-
Tiền trả khoản vay	30.000.000.000	-
- Ông Ngô Tiến Cương	30.000.000.000	-
Ứng trước khoản mua cổ phần BOT Thái Hà	11.990.000.000	-
- Ông Ngô Tiến Cường	11.990.000.000	-

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng	12.159.824.955	10.801.463.289
- Công ty TNHH Tiến Đại Phát	12.159.824.955	10.801.463.289
Trả trước cho người bán ngắn hạn	12.636.253.585	4.042.897.585
- Công ty Cổ phần Thương mại Trường Lưu Thủy	-	161.500.000
- Công ty TNHH Tiến Đại Phát	646.253.585	3.881.397.585
- Ông Ngô Tiến Cường	11.990.000.000	-

28.2 THÔNG TIN KHÁC

Theo thông báo số 825/TB-SGDHN ngày 31/07/2018 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc hủy niêm yết cổ phiếu PIV của Công ty Cổ phần PIV. Theo đó, toàn bộ cổ phiếu mã chứng khoán PIV của Công ty Cổ phần PIV bị hủy niêm yết từ ngày 30/08/2018 theo Quyết định số 486/QĐ-SGDHN ngày 31/07/2018 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được một Công ty kiểm toán độc lập khác kiểm toán.



Triệu Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2019

Vũ Mạnh Hùng
Kế toán trưởng

Vũ Mạnh Hùng
Người lập biểu